TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HÓA

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HSST
Ngày: 16/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trương Văn Dũng

2. Ông: Lương Thanh Hải

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024, theo quyết định đưa ra xét xử số 25/2024/QĐXXST- HS, ngày 04/4/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thị Ng**, sinh ngày: 10/10/1983 tại: Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn L, Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Mường; Giới tính; Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn Ng, sinh năm: 1964 và bà Bùi Thị Kh, sinh năm: 1961; Có chồng Trương Văn Đ; sinh năm 1979 và 02 (hai) con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B bắt tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày hết ngày 21/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

1. Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn X, Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Đinh Sỹ H1, sinh năm: 1978

Trú tại: Thôn X, Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn Lùng, Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ khoảng cuối năm 2022 đến tháng 01/2024, Trương Thị Ng cho 02 (Hai) người dân trên địa bàn Đ vay tiền với lãi suất từ 4%/01 tháng (hơn 1.333đ/01 triệu/01 ngày) đến 3.000đ/01 triệu đồng/01 ngày tương ứng với lãi suất 48%/01 năm đến 109,5%/01 năm cao gấp 2,43 lần đến 5,48 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 20%/1 năm. Cụ thể như sau:

1. Vào ngày 18/10/2022, Ng cho chị Bùi Thị H, sinh năm: 1973 ở thôn Xê, Đ, huyện B vay 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày, khi cho H vay tiền Ng đã yêu cầu Bùi Thị L, sinh năm: 1986 ở thôn Lùng, Đ, huyện B là bạn H bảo lãnh và ký tên vào sổ vay của Ng. Đến ngày 18/02/2023, H đưa cho L để L trả cho Ng 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 154.800.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của 120 ngày (Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 28.273.973đ, số tiền thu lợi bất chính là 126.526.027đ) còn nợ lại 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, đồng thời Ng chỉ yêu cầu H phải trả lãi suất là 2.500đ/01 triệu/01 ngày tương ứng với lãi suất 91,25%/1 năm.

Đến ngày 28/4/2023 H phải trả cho Ng tiền lãi của 68 ngày (Đối với số tiền gốc 200.000.000đ còn nợ lại) là 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 7.452.055đ, số tiền thu lợi bất chính là 26.547.945đ, nhưng H mới đưa cho L để trả cho Ng được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi của 40 ngày (Số tiền lãi được phép thu là 4.383.562đ, số tiền thu lợi bất chính là 15.616.438đ) còn nợ lại 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) tiền lãi của 28 ngày. Sau đó Ng tiếp tục hạ lãi và chỉ yêu cầu H phải trả lãi 4%/01 tháng tương ứng với lãi suất 48%/01 năm.

Đến tháng 11/2023 Ng chốt nợ cho H là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng) tiền lãi gồm 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) tiền lãi H đã nợ trước đó và 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là tiền lãi từ tháng 4/2023 đến tháng 01/2024 (chốt trước), đồng thời Ng yêu cầu H và L viết giấy vay mới đối với số tiền này. Sau khi chốt H chưa trả thêm tiền gốc và lãi cho Ng.

Như vậy trong thời gian từ ngày 18/10/2022 đến ngày 18/02/2023 Trương Thị Ng cho Bùi Thị H vay 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày tương ứng lãi suất 109,5%/1 năm thu lợi bất chính 126.526.027đ (Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi bảy đồng). Từ ngày 18/02/2023 đến 28/4/2023, Trương Thị Ng tính

lãi suất 2.500đ/01 triệu/01 ngày đối với số tiền 200.000.000đ. Chị H còn nợ lại số tiền lãi thu lợi bất chính là 15.616.438đ (Mười lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Hiện nay chị H đang nợ Ng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng) tiền lãi gồm 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) tiền lãi của mức lãi suất là 2.500đ/01 triệu/01 ngày và 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền lãi đối với mức lãi suất 04%/01 tháng.

2. Ngày 24/4/2023, Ng sử dụng số tiền gốc do chị Bùi Thị H đã trả để quay vòng vốn cho Đinh Sỹ H1, sinh năm: 1978 ở thôn Xê, Đ, huyện B vay 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/1 năm. Đến ngày 09/5/2023, H1 trả cho Ng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc nên Ng đã chốt nợ cho H1 còn 47.140.000đ (Bốn mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), tiền lãi 17 ngày vay là 7.140.000đ (Bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền lãi được phép thu là 1.304.110đ, số tiền thu lợi bất chính là 5.835.890đ. Cùng ngày H1 đã trả cho Ng 40.000đ (Bốn mười nghìn đồng) tiền lãi nên còn nợ lại số tiền lãi là 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng). Đến ngày 21/5/2023, H1 trả cho Ng 48.540.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), tiền lãi là 8.450.000đ (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) gồm 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng) là tiền lãi nợ trước đó và 1.144.000đ (Một triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) là tiền lãi trong 12 ngày đối với số tiền 40.000.000đ (Số tiền thu lãi được phép thu là 263.014đ, số tiền thu lợi bất chính là 1.176.986đ). Hiện khoản vay này đã thanh toán xong.

Ngày 16/6/2023, Ng sử dụng số tiền gốc và lãi H1 đã trả ở lần 1 để cho H1 vay lại 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 16/7/2023, H1 trả cho Ng 65.540.000đ (sáu mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) gồm 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và 5.400.000đ (năm triệu vốn trăm nghìn đồng) tiền lãi trong 30 ngày (số tiền lãi được phép thu là 986.301đ, số tiền thu lợi bất chính là 4.413.699đ). Hiện khoản vay này đã thanh toán xong.

Ngày 16/8/2023, Ng tiếp tục sử dụng số tiền gốc và lãi H1 đã trả ở lần 1 và lần 2 để cho H1 vay 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 16/9/2023 H1 trả cho Ng 78.912.000đ (bảy mươi tám triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) gồm 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) tiền gốc và 6.912.000đ (sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) tiền lãi trong 32 ngày vay (số tiền lãi được thu theo quy định là 1.262.466đ, số tiền thu lợi bất chính là 5.649.534đ). Hiện khoản vay này đã thanh toán xong.

Như vậy trong thời gian từ ngày 24/4/2023 đến ngày 16/9/2023, Trương Thị Ng đã cho Đinh Sỹ H1 vay tổng số tiền là 272.000.000đ (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày tương ứng lãi suất 109,5%/1 năm và thu lợi bất chính 17.076.110đ (mười bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười đồng).

Căn cứ công văn số 142/THH-TTGSNN ngày 25/01/2024 và công văn số 1077/THH-TTGSNN ngày 23/8/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hoá, Cơ quan CSĐT Công an huyện B xác định được với lãi suất 3.000đ/1triệu đồng/1ngày thì sẽ tương đương với lãi suất là 3.000 x 365/1.000.000 = 1,095 x 100% = 109,5%/1 năm gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/1năm. Tương tự với lãi suất 2.500đ/1triệu đồng/01 ngày thì sẽ tương đương với lãi suất là 2.500 x 365/1000.000 = 0,9125 x 100% = 91,25%/1 năm gấp 4,56 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/1 năm.

Căn cứ Điều 6, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xác định số tiền thu lời bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự bao gồm tiền lãi và các khoản thu trái pháp luật khác mà người vay phải trả cho người cho vay sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong cả kỳ hạn vay.

Quá trình điều tra xác định, từ ngày 18/11/2022 đến 16/9/2023 Trương Thị Ng đã cho chị H và anh H1 vay tổng số tiền là 702.000.000đ (Bảy trăm linh hai triệu đồng) và thu lợi bất chính với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 143.602.136đ (Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm linh hai nghìn một trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó số tiền Ng thực tế thu là 502.000.000đ tiền gốc và 175.692.000đ tiền lãi (gồm 143.602.136đ tiền lãi thu lợi bất chính và 32.089.864đ là tiền lãi được phép thu).

Bên cạnh đó Trương Thị Ng còn thu lợi bất chính 15.616.438đ (Mười lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) đối với mức lãi suất 2.500đ/01 triệu/01 tương ứng với lãi suất 91,25%/1 năm.

Về vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu Gold, điện thoại gắn sim số 0367642383, trên bề mặt sim có dãy số: 8984048008825205588, số IMEI 1: 355103313480959, số IMEI 2: 355103313368360, đã qua sử dụng. Được cho vào một phong bì do Công an huyện B phát hành, mặt trước phong bì ghi "Điện thoại của Trương Thị Ng - Ký hiệu B1", mặt sau phong bì được dán kín niêm phong bằng chữ ký, ghi rõ họ tên của Bùi Ngọc Linh, Phạm Mạnh Cường, Trương Thị Ng, Hà Văn Tú và các hình dấu của Công an huyện B làm giáp lai.

Về dân sự: Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan Bùi Thị H và Đinh Sỹ H1 có đơn đề nghị bị cáo Ng trả lại số tiền đã thu lời bất chính. Ngày 15/3/2024 Ng đã nộp tiền khắc phục hậu quả theo Quyết định XPVP hành chính số 925/QĐ-XPHC Ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện B cho H số tiền 15.616.000đ. Ngày 24/3/2024 Ng tiếp tục khắc phục hậu quả cho H 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị H yêu cầu Ng tiếp tục trả lại số tiền đã thu lời bất chính còn lại.

Ngày 23/3/2024 và ngày 12/4/2024 Ng đã khắc phục hậu quả cho H1 hết số tiền là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSBT-KT ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Trương Thị Ng về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật, bị cáo không có thắc mắc gì.

Bị cáo thừa nhận bị cáo dùng số tiền 430.000.000đ cho vay quay vòng đối với chị H và anh H1. Từ ngày 18/10/2022 đến ngày 18/02/2023 thông qua chị L bảo lãnh bị cáo cho chị H vay 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) với lãi suất 2.500đ/ 01 triệu/01 ngày đến 3.000đ/01 triệu/01 ngày, thu lợi bất chính 142.142.465đ, chị H đã trả được cho bị cáo 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc, hiện tại H đang nợ bị cáo 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng) tiền lãi. Từ ngày 24/4/2023 đến ngày 16/9/2023, bị cáo dùng số tiền gốc chị H đã trả là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) cho anh H1 vay 3 lần quay vòng, mỗi lần vay anh H1 đều thanh toán hết tiền gốc và lãi sau đó lại tiếp tục vay tiếp với tổng số tiền vay là 272.000.000đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, bị cáo thu lợi bất chính 17.076.109đ (mười bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm lẻ chín đồng). Bị cáo và anh H1 đã thanh toán song.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại Cơ quan Điều tra phù hợp với các tình tiết nêu trong bản cáo trạng và lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Người làm chứng: Chị L trình bày do quen biết với chị Ng và chị H nên chị đứng ra bảo lãnh cho chị H vay của chị Ng, chị Ng không cho bị cáo được hưởng lợi gì cả, về số tiền vay và lãi thanh toán, số tiền gốc đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo chỉ vì không am hiểu pháp luật mà phạm tội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Thị Ng phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, và Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS. Xử phạt bị cáo Ng từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt tiền bổ sung 35.000.000đ đến 40.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước và đề nghị các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng như sau:

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Ng phải nộp lại số tiền gốc 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 20%/năm mà bị cáo đã thu của người vay tổng số tiền là 32.089.864đ (Trong đó tiền lãi của chị H là 28.273.973đ, của anh H1 là 3.815.891đ). Tổng cộng 262.089.864đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Buộc chị Bùi Thị H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ng chưa trả là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) vì số tiền này là phương tiện bị cáo Ng dùng vào việc phạm tội và chị H chưa trả cho bị cáo.

Bị cáo Ng phải tiếp tục trả lại cho chị H tiền thu lời bất chính, phần lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là: 126.526.027-10.000.000đ = 116.526.027đ (Một trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Bị cáo Ng đã trả lại cho anh H1 tiền thu lời bất chính, phần lãi thu vượt quá quy định là: 17.076.109đ (Mười hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm lẻ chín đồng) nên miễn xét.

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu bán xung công quỹ nhà nước của bị cáo Trương Thị Ng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu Gold, điện thoại gắn sim số 0367642383, trên bề mặt sim có dãy số: 8984048008825205588, số IMEI 1: 355103313480959, số IMEI 2: 355103313368360, đã qua sử dụng do bị cáo dùng làm công cụ cho việc phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ L quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/11/2022 đến 16/9/2023 bị cáo Trương Thị Ng đã dùng số tiền 430.000.000đ cho chị Bùi Thị H và Đinh Sỹ H1 vay quay vòng với tổng số tiền là 702.000.000đ (bảy trăm linh hai triệu đồng) với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền là 143.602.136đ (một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm linh hai nghìn một trăm ba mươi sáu đồng) nhằm mục đích vụ lợi cá nhân. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động mà không chịu khó kiếm tiền chân chính mà lợi dụng hoàn cảnh khó khăn về tài chính của người khác để thu lời bất chính từ việc cho vay nặng lãi. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự về hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội mà còn xâm hại đến quyền lợi của công dân được nhà nước bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hướng sấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Đối với hành vi bị cáo cho Bùi Thị H vay 200.000.000đ với lãi suất 2.500đ/01 triệu/01 ngày từ ngày 18/02/2023 đến ngày 28/4/2023 và lãi suất 4%/01 tháng từ ngày 28/4/2023 đến tháng 01/2024 thu lợi bất chính được 15.616.438đ (mười lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba tám đồng). Do lãi suất cho vay chưa vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (20%/01 năm) nên hành vi của Ng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào điểm đ, khoản 4, Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 925/QĐ-XPHC đối với bị cáo Ng về hành vi "Không đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện về

an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự". Hiện tại Trương Thị Ng đã chấp hành song quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên HĐXX miễn xét.

[5] Đối với chị Bùi Thị L là người bảo lãnh để cho Bùi Thị H vay tiền với Trương Thị Ng. Tuy nhiên, L không thỏa thuận, thống nhất gì với Trương Thị Ng trong việc Ng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đồng thời L không được hưởng lợi gì từ việc Ng cho H vay tiền nên hành vi của L là không có sự việc phạm tội. Vì vậy HĐXX miễn xét.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" Bị cáo được hưởng 02 tình tiết nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là: Việc trả lại một phần và toàn bộ số tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, trả một phần cho chị H, trả toàn bộ cho anh H1, nhưng tổng số tiền chưa đủ ¾. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan chị H và anh H1 đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo". Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt tiền bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp buôn bán, có thu nhập vì vậy phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là 35.000.000đ (Ba lăm triệu đồng).

[8] Về biện pháp tư pháp: Số tiền gốc bị cáo cho vay đã được người vay trả 230.000.000đ là công cụ phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm theo quy định BLDS quy định mà bị cáo đã thu của người vay 32.089.864đ là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu xung công quỹ nhà nước. Tổng cộng truy thu của bị cáo 262.089.864đ, làm tròn 262.089.000đ (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Đối với số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan chị H còn nợ bị cáo truy thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi thu vượt quá quy định bị cáo Ng thu của người vay. Chị H yêu cầu bị cáo phải tiếp tục trả số tiền còn lại. Vì vậy, bị cáo Ng phải trả lại cho chị H số tiền: 126.526.027-10.000.000đ (Bị cáo đã trả) = 116.526.027đ (làm tròn 116.526.000đ (Một trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Đối với anh H1 số tiền là: 17.076.109đ, bị cáo Ng đã trả đủ nên miễn xét.

[9] Về vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu Gold, điện thoại gắn sim số 0367642383, trên bề mặt sim có dãy số: 8984048008825205588, số IMEI 1: 355103313480959, số IMEI 2: 355103313368360, đã qua sử dụng, bị cáo thừa nhận dùng điện thoại để nhắn tin và gọi điện để yêu cầu người vay trả tiền lãi là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu bán xung công quỹ nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị Ng phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Ng 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/4/2024.

- Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo 35.000.000đ (Ba lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Trương Thị Ng cho UBND Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự

- Về các biện pháp tư pháp: Truy thu để xung công quỹ nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Trương Thị Ng số tiền 230.000.000đ tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội bị cáo đã thu về và 32.089.864đ (là tiền lãi thu 20%/năm theo quy định). Tổng cộng 262.089.864đ, làm tròn 262.089.000đ (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Truy thu đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan chị Bùi Thị H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Bị cáo Ng phải trả lại cho chị H số tiền lãi lãi thu vượt quá quy định là: 116.526.027đ (Một trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), làm tròn 116.526.000đ (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu bán đấu giá xung công quỹ nhà nước của bị cáo Ng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu Gold, điện thoại gắn sim số 0367642383, trên bề mặt sim có dãy số: 8984048008825205588, số IMEI 1: 355103313480959, số IMEI 2: 355103313368360, đã qua sử dụng. Được cho vào một phong bì do Công an huyện B phát hành, mặt trước phong bì ghi "Điện thoại của Trương Thị Ng - Ký hiệu B1", mặt sau phong bì được dán kín niêm phong bằng chữ ký, ghi rõ họ tên của Bùi Ngọc Linh, Phạm Mạnh Cường, Trương Thị Ng, Hà Văn Tú và các hình dấu của Công an huyện B làm giáp lai. Theo biên bản giao nhận vất chứng, tài sản số 30/2024/BB giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 27/3/2024.

-Về án phí: Bị cáo Ng phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện B;
- Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Dũng Lương Thanh Hải **Vũ Văn Ng**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện B;
- Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ng